

1 At the park

...for children, by Thuy Ngo LSE with



4. Bé có biết những trang phục này không? Bé ấn vào và nói các từ này nhé.

coat /kəʊt/ 	sweater /'swetə(r)/ 	scarf /ska:f/ 	socks /sɒks/ 	jacket /'dʒækit/
trousers /'traʊzəz/ 	shoes /ʃu:z/ 	T-shirt /'ti:ʃɜ:t/ 	glasses /'glɑ:sɪz/ 	swimsuit /'swɪmsu:t/

5. Bé có biết tên gọi của các sắc màu này không? Bé ấn vào và nói để giúp máy viết chính tả nhé.

red /red/	orange /'ɒrɪndʒ/	yellow /'jeləʊ/	green /gri:n/
blue /blu:/	indigo /'ɪndɪgəʊ/	violet /'vaɪələt/	purple /'pɜ:pl/
pink /pɪŋk/	black /blæk/	brown /braʊn/	grey /greɪ/
beige /beɪʒ/	white /waɪt/	silver /'sɪlvə(r)/	gold /gəʊld/